

Số: ~~1464~~ /BKHCN-CNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2021

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới QH  
trước Kỳ họp thứ 11 theo Công văn số  
92/BDN của Ban Dân nguyện

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định

Trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Quốc hội trước kỳ họp thứ 11 tại Công văn số 92/BDN ngày 06/4/2021 của Ban Dân nguyện với nội dung kiến nghị:

Nội dung 1: Ban hành cơ chế cụ thể khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và đóng vai trò chủ thể trong mối liên kết sản xuất sản phẩm nông sản theo chuỗi.

Nội dung 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ, chuyên gia về công nghệ, nguồn cung công nghệ, nhu cầu về công nghệ... của một số ngành, lĩnh vực công nghệ trong danh mục ưu tiên và kết nối với các địa phương để khai thác trong quá trình quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương.

Bộ Khoa học và Công nghệ xin trả lời như sau:

1. Về ban hành cơ chế cụ thể khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và đóng vai trò chủ thể trong mối liên kết sản xuất sản phẩm nông sản theo chuỗi.

Trong 10 năm qua, nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN), nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã có nhiều văn bản cơ chế, chính sách ưu tiên cho doanh nghiệp được ban hành (phụ lục). Những cơ chế, chính sách này là nguồn động lực thúc đẩy các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp không chỉ tăng về số lượng doanh nghiệp mà còn tăng cả về nguồn vốn đầu tư (Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng từ 2.397 doanh nghiệp năm 2007 lên 3.844 doanh nghiệp năm 2014 và 7.033 doanh nghiệp năm 2017 (tăng 2,93 lần so với năm 2007) với số vốn là 213.394,9 tỷ đồng. Trong 5 năm 2015 - 2020, số doanh nghiệp đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực này đã tăng 3,6 lần, từ 3.640 doanh nghiệp lên hơn 13.280 doanh nghiệp, trải đều khắp các vùng, miền trên cả nước, trong đó có nhiều doanh nghiệp lớn, giúp nâng giá trị sản xuất nông nghiệp. Nhờ phát triển công nghiệp chế biến, tỷ

lệ xuất khẩu thô đã giảm từ 90% xuống còn 70% như hiện nay. Nhiều doanh nghiệp đã trở thành nòng cốt của chuỗi giá trị nông sản và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phát triển thị trường như: Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty TNHH Ba Huân, Tập đoàn Việt Úc, TH Truemilk, Công ty Cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam, Tập đoàn Vingroup... Nhiều ngành sản xuất nông nghiệp như sữa, thủy sản, chăn nuôi đã “tiệm cận” công nghệ hàng đầu thế giới. Đến nay, cả nước có trên 43.000 doanh nghiệp chế biến, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (NLTS), tăng 13.000 doanh nghiệp so với năm 2015; có trên 7.500 cơ sở chế biến NLTS quy mô công nghiệp gắn với xuất khẩu, tăng 1.500 cơ sở so với năm 2015. Trong 5 năm 2016 - 2020, số lượng nhà máy/cơ sở chế biến NLTS lớn khởi công mới, đi vào hoạt động là 67 nhà máy, với tổng mức đầu tư khoảng 2,58 tỷ USD.

Đặc biệt, trong 5 tháng đầu năm 2021, do tác động bởi làn sóng thứ tư của dịch Covid-19 bùng phát trở lại đã tạo rất nhiều rào cản, khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và xuất khẩu nông sản, nhưng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 10,99 tỷ USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó có vai trò chủ đạo của các Doanh nghiệp.

Có thể nói rằng, hệ thống văn bản về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và đóng vai trò chủ thể trong mối liên kết sản xuất sản phẩm nông sản theo chuỗi hiện nay là tương đối đầy đủ và đã tác có động tích cực, hiệu quả đến các Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Trong tình hình hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về KH&CN, công nghệ số, công nghiệp 4.0..., Bộ Khoa học và Công nghệ vẫn tiếp tục rà soát, xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành những cơ chế chính sách đảm bảo phù hợp với tình hình mới và điều kiện thực tiễn của Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hướng đến các Doanh nghiệp đóng vai trò chủ thể trong mối liên kết sản xuất sản phẩm nông sản theo chuỗi, cụ thể:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Bộ đã chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. Các danh mục này có nhiều công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp như: Công nghệ nông nghiệp chính xác; công nghệ thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp tiên tiến: máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch thế hệ mới; hệ thống thiết bị chế biến và bảo quản thực phẩm có quy mô công nghiệp; công nghệ canh tác không dùng đất quy mô công nghiệp; công nghệ thế hệ mới trong xử lý, chế biến, bảo quản sản phẩm nông

nghiệp; các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế, thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng, thuốc kích dục tổ thủy sản thế hệ mới đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Bộ đã ban hành Thông tư số 02/2019/TT-BKHHCN ngày 03/6/2019 về Danh mục công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; Thông tư số 11/2017/TT-BKHHCN quy định quản lý thực hiện đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” (viết tắt là chương trình PPP).

- Bộ chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền: Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 về Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014.

- Bộ cũng đã triển khai nhiều nội dung hỗ trợ doanh nghiệp thông qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN liên kết sử dụng ngân sách nhà nước, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hoạt KH&CN thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

2. Về kiến nghị xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ, chuyên gia về công nghệ, nguồn cung công nghệ, nhu cầu về công nghệ... của một số ngành, lĩnh vực công nghệ trong danh mục ưu tiên và kết nối với các địa phương để khai thác trong quá trình quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương.

- Về xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ, chuyên gia về công nghệ, nguồn cung công nghệ, nhu cầu về công nghệ

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về KH&CN được quy định

cụ thể tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN.

Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư 14/2014/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển CSDL quốc gia về KH&CN.

Bộ KH&CN đã ban hành các quyết định: Quyết định số 588/QĐ-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ KH&CN; Quyết định số 3999/QĐ-BKHCN ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 2800/QĐ-BKHCN ngày 14/10/2020 về kế hoạch thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Bộ KH&CN đang xây dựng Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, trong đó có các nội dung về xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ, chuyên gia về công nghệ, nguồn cung công nghệ, nhu cầu về công nghệ (dự kiến sẽ ban hành trong quý III năm 2021).

Hiện nay, Bộ KH&CN đang tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ cập nhật, bổ sung các thông tin về công nghệ và thiết bị, sản phẩm và dịch vụ công nghệ, chuyên gia về khoa học và công nghệ và nhu cầu tìm kiếm công nghệ và thiết bị trên cổng thông tin điện tử: [www.techmartvietnam.vn](http://www.techmartvietnam.vn) với số lượng gần 25.000 công nghệ và thiết bị; hơn 2.500 chuyên gia tư vấn khoa học và công nghệ... Trong đó, các thông tin về công nghệ và thiết bị thuộc danh mục ưu tiên như lĩnh vực công nghệ sinh học, năng lượng và môi trường cũng đã được đẩy mạnh bổ sung và cập nhật.

Trong thời gian tới Bộ KH&CN sẽ tích cực đôn đốc và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để xây dựng hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN, Bộ sẽ chú trọng hơn nữa để cập nhật thêm các thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ số theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*- Về việc kết nối với các địa phương để khai thác CSDL về công nghệ, chuyên gia về công nghệ, nguồn cung công nghệ, nhu cầu về công nghệ trong quá trình quản lý nhà nước về KH&CN tại địa phương.*

Trong những năm vừa qua, Bộ KH&CN đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ các địa phương tổ chức chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), hội nghị, hội thảo, tập huấn về khai thác, tìm kiếm các thông tin công nghệ và xúc tiến chuyển giao công nghệ tại các địa phương trên toàn quốc.

Đồng thời, Bộ KH&CN cũng chia sẻ, phổ biến, cung cấp các thông tin về kết quả nghiên cứu KH&CN, CSDL thông tin về công nghệ/ thiết bị trên mạng Internet tại địa chỉ: <https://www.vista.gov.vn> để phục vụ nhu cầu khai thác thông tin công nghệ/ thiết bị của tất cả các Sở KH&CN, doanh nghiệp và người dân.

Trong thời gian tới, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trong cả nước nhằm hỗ trợ kết nối, chia sẻ để xây dựng CSDL dùng chung về thông tin công nghệ/ thiết bị của cả nước, góp phần phát triển thị trường KH&CN của Việt Nam.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ KH&CN đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Nam Định. Bộ KH&CN xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của cử tri tỉnh Nam Định đối với sự nghiệp phát triển KH&CN nước nhà trong thời gian tới./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Lưu: VT, VP, CNN.

  
**Huyền Thành Đạt**



**DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KH&CN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

TT	Số hiệu văn bản	Nội dung khuyến khích, hỗ trợ chính
1	Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số: 29/2013/QH13)	<p>Điều 32. Liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p> <p>1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá.</p> <p>2. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:</p> <p>a) Hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư cho dự án của doanh nghiệp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; Điều 56. Đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ</p> <p>3. Doanh nghiệp đầu tư hoặc liên kết đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ, cho vay và được hưởng ưu đãi khác theo quy định của Luật này.</p> <p>Điều 57. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</p> <p>1. Doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn.</p> <p>2. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng ưu đãi ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật về công nghệ cao. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước được hỗ trợ lãi suất vay vốn tại ngân hàng.</p> <p>Điều 58. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p> <p>3. Ngoài ưu đãi quy định tại Điều 57 của Luật này, doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn được hưởng ưu đãi sau đây:</p> <p>a) Được xem xét, giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc sở hữu nhà nước;</p> <p>b) Được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất,</p>

		<p>quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao;</p> <p>d) Được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ khác để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh;</p> <p>đ) Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước.</p> <p>Điều 64. Chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ</p> <p>Các trường hợp sau đây được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế:</p> <p>3. Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao;</p> <p>Điều 65. Chính sách tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ vay vốn trung và dài hạn để hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng lãi suất ưu đãi khi vay vốn tại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, các quỹ khác của Nhà nước.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân vay vốn để đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ được ưu đãi về tín dụng theo điều lệ của quỹ nơi vay vốn.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt hoạt động triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được Ngân hàng phát triển Việt Nam xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư, danh tỷ lệ nhất định dư nợ tín dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ.</p>
2	Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số: 07/2017/QH14)	<p>Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ</p> <p>1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao công nghệ; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với doanh nghiệp là trung tâm; nâng cao trình độ, tiềm lực công nghệ quốc gia nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội.</p> <p>2. Đa dạng hóa hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ nhiều nguồn khác nhau.</p> <p>3. Ưu tiên chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước; bố trí nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; chú trọng hoạt động chuyển giao công nghệ cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.</p> <p>4. Hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ, liên kết giữa tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất; chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.</p> <p>5. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ tiên tiến,</p>

		<p>công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Điều 35. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ</p> <p>1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ với tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>2. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư, đổi ứng vốn, nhận vốn đổi ứng đầu tư cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình và thực hiện nội dung chi khác theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.</p> <p>3. Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ có thể xác định được giá trị là quyền tài sản.</p> <p>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng được nhận quyền tài sản quy định tại khoản này để bảo đảm cho giao dịch vay vốn đầu tư cho các dự án khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>4. Nhà nước khuyến khích các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung.</p> <p>5. Doanh nghiệp đầu tư cho cơ sở vật chất - kỹ thuật hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ được hưởng các ưu đãi sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Các hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
3	Luật Đầu tư (Luật số: 67/2014/QH13)	<p>Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư</p> <p>1. Hình thức áp dụng ưu đãi đầu tư:</p> <p>a) Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>c) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.</p> <p>2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư:</p> <p>đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>Điều 16. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư</p> <p>1. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư:</p> <p>a) Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hoạt động nghiên cứu và phát triển;</p> <p>e) Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học;</p>



4	Luật công nghệ cao (Luật số 21/2008/QH12)	<p>Điều 19. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</p> <p>1. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật này để sản xuất sản phẩm nông nghiệp;</p> <p>b) Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp;</p> <p>c) Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.</p> <p>2. Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được ưu đãi, hỗ trợ như sau:</p> <p>a) Hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;</p> <p>b) Được xem xét hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo, chuyển giao công nghệ từ kinh phí của Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao.</p> <p>3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p>
5	Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 52, 53, 54, 58 và 63 của Luật Khoa học và công nghệ.	<p>Điều 4. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ</p> <p>1. Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ</p> <p>Chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung sau:</p> <p>a) Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;</p> <p>b) Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao;</p> <p>c) Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thông kê về khoa học và công nghệ;</p> <p>d) Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.</p> <p>Điều 20. Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p> <p>Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng các ưu đãi sau:</p> <p>1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu các kết quả khoa học và công nghệ thuộc sở hữu nhà nước.</p> <p>2. Hưởng chế độ miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Các khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>

		<p>4. Được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.</p> <p>5. Hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.</p> <p>6. Ưu tiên trong việc sử dụng trang thiết bị nghiên cứu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại các Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của nhà nước.</p> <p>7. Được hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, đào tạo của các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp do các cơ quan nhà nước thành lập.</p> <p>8. Được Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và Ủy ban nhân dân các địa phương ưu tiên cho thuê đất, cơ sở hạ tầng với mức giá thấp nhất theo quy định.</p> <p>9. Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.</p>
6	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Doanh nghiệp KHCN.	Nghị định quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ Doanh nghiệp KH&CN về Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; Ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh; Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ; Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ.
7	Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp	Nghị định quy định về bảo hiểm nông nghiệp và chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại về tài chính do các rủi ro xảy ra trong quá trình sản xuất.
8	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn.	<p>Nghị định này quy định một số nội dung, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề cho các Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 10. Khoa học công nghệ</p> <p>1. Cơ sở ngành nghề nông thôn khi thực hiện các hoạt động triển khai ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ hay tiếp nhận tiến bộ khoa học kỹ thuật từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì được hưởng các ưu đãi theo chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ và nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>2. Cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học để tạo ra công nghệ mới, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hóa thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.</p>
9	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính	Nghị định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp, trong đó có đối tượng là Doanh nghiệp. Các chính sách hỗ trợ về: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết; Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống.

	sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
10	Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	Nghị định số quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có đối tượng được hưởng thụ là Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp. Chính sách tín dụng cho việc khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết; Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
11	Nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn để đẩy mạnh đầu tư tín dụng góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đặc biệt chú trọng vào liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, ngày 07/9/2018.
12	Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ:	Điều 17. Một số chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ 1. Nội dung, định mức hỗ trợ: a) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại); c) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ: định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông; d) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN: định mức hỗ trợ chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.
13	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ:	Nghị định quy định rõ về mức hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động nghiên cứu; thực hiện dự án; chuyển giao ứng dụng dự án và một số trường hợp cụ thể khác như: Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô; Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
14	Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm chất lượng tín dụng, trong đó tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu

	Chính phủ về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch	tiên. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại, chủ lực là các ngân hàng thương mại nhà nước, dành ít nhất 100.000 tỷ đồng từ nguồn vốn huy động của các ngân hàng để thực hiện chương trình cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch với lãi suất phù hợp (thấp hơn lãi suất thị trường).
15	Quyết định 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (trong đó Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là Chương trình thành phần do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì)	Nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp: 1. Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao. 2. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao. 3. Hỗ trợ và tạo điều kiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, đào tạo và sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực công nghệ cao. 4. Áp dụng một số cơ chế, chính sách ưu đãi Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo, ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao thuộc Chương trình được: a) Ưu đãi cao nhất về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật. b) Vay tối đa 85% vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và được Chương trình hỗ trợ toàn bộ lãi suất vay trong thời hạn 5 năm. c) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm, xây dựng phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm thiết kế, sản xuất thử nghiệm, mua sản phẩm mẫu, thiết bị và dây chuyền mẫu, thiết bị đo kiểm. d) Thực hiện quyết toán chỉ một lần đối với vốn ngân sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các nhiệm vụ của Chương trình sau khi nhiệm vụ kết thúc. đ) Điều chỉnh nội dung và kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để đạt được mục tiêu và phù hợp với yêu cầu thực tế.
16	Quyết định 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.	Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ sản xuất sản phẩm quốc gia, trong đó có các sản phẩm quốc gia do Bộ NN&PTNT chủ trì thực hiện: về tín dụng; về thuế; về sử dụng đất; hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển thị trường.
17	Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính	1. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ để tăng giá trị công nghệ được mua, bán. 2. Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia nghiên cứu, làm chủ, ứng

	phù phê duyệt Phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020	dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm và đổi mới quy trình công nghệ, trong đó có chi phí chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm; Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc hợp tác với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để giải mã, làm chủ công nghệ nhập khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia để nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các sản phẩm mới. 3. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ
18	Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030.	Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.
19	Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.	Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm quốc gia đã được phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.
20	Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 phê duyệt Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.	- Xây dựng và phát triển khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; xây dựng và phát triển khoảng 200 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có sự hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên phạm vi cả nước. - Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ triển khai các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được nghiệm thu, các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc các thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ. - Xây dựng, phát triển hệ sinh thái các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao để phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
21	Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của

	31/8/2020 phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030	năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
22	Quyết định 17/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của TTCP phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 – 2030.	<p>- Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có để tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hỗ trợ phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...).</p> <p>- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào chế biến, bảo quản rau quả; lồng ghép các nội dung phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản rau quả vào các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng miền và địa phương.</p> <p>- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách mới, đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch; đồng thời có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau quả:</p> <p>+ Chính sách khuyến khích doanh nghiệp chế biến rau quả đầu tư đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường;</p> <p>+ Cơ chế thuê, mua quyền sử dụng đất, liên kết với nông dân để hình thành vùng sản xuất tập trung, đầu tư chiều sâu tạo nguồn nguyên liệu rau quả ổn định;</p> <p>+ Ưu tiên nguồn vốn để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh rau quả; đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh tín dụng cho vay theo chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ.</p> <p>b) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ tiên tiến vào chế biến, bảo quản rau quả</p> <p>- Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản rau quả.</p>
23	Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của TTCP Phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại	<p>2. Cơ chế chính sách</p> <p>a) Vốn tín dụng Các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình được hưởng chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách tín dụng cho doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất giống...</p> <p>c) Về đất đai Các doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi được hưởng chính sách ưu đãi về đất theo quy định tại</p>

	ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	<p>Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.</p> <p>d) Về thuế và giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</p> <p>Các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế và giá.</p>
24	Quyết định số 429/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030	<p>2. Cơ chế, chính sách</p> <p>a) Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp theo cơ chế thị trường, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nghiên cứu và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp quy mô công nghiệp;</li> <li>+ Xây dựng cơ chế chính sách mới ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ, đặc biệt là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp sinh học, tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này.</li> </ul> <p>b) Tăng cường, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế cho phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp.</p>
25	Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030	<p>Khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tích hợp và chia sẻ nguồn thông tin cơ sở về quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), nâng cao năng lực dịch vụ công cộng thông tin sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin sở hữu trí tuệ chính xác, kịp thời, xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng dịch vụ sở hữu trí tuệ.</li> <li>- Xây dựng cơ chế khuyến khích các cơ sở kinh doanh, các viện nghiên cứu và trường đại học tăng cường liên kết trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ vào quá trình sản xuất, kinh doanh; đề xuất giải pháp khuyến khích và giảm chi phí liên quan đến chuyển giao công nghệ của các cơ sở kinh doanh trong nước.</li> <li>- Xác định nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; đề xuất các giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa được chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ trong một số lĩnh vực công nghệ ưu tiên.</li> <li>- Ngân hàng nhà nước Việt Nam chủ trì: Nghiên cứu và xây dựng khuôn khổ pháp lý thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động của công ty Fintech trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính và cắt giảm chi phí sử dụng dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.</li> </ul>
26	Thông tư số 11/2017/TT-BKHHCN quy định quản lý thực hiện đề án "Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa	<p>Cơ chế thực hiện:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các đề tài, dự án thuộc chương trình Chương trình khoa học và công nghệ thực hiện thí điểm theo cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ (PPP) được đối tác công, đối tác tư và các bên liên quan khác cùng nhau xác định theo nhóm đề phối hợp giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ của chương trình PPP.</li> <li>2. Nguồn lực thực hiện đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được huy động từ nhiều nguồn khác nhau do đối tác công và đối tác tư quản lý theo thẩm quyền.</li> <li>3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được quản lý theo quy định</li> </ol>

	học và công nghệ”	của các nguồn kinh phí thuộc bộ, ngành, địa phương và các chương trình, định chế tài chính trực tiếp đóng góp nguồn lực tham gia chương trình PPP với việc áp dụng nội dung, định mức và phương thức chi thuận lợi nhất được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật tương ứng.
27	Thông tư số 02/2019/TT-BKHHCN ngày 03/6/2019 về Danh mục công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao	Ban hành Danh mục công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (trong đó có nhiều danh mục công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp)